

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỐ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [04] Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	0180410005090.04	Piperacilin + Tazobactam	2g + 0,25g	Tazopelin 2,25g	VD-36111-22	Lọ	64,995	1,600			1,600		480	31,197,600	Đồng ý	480	31,197,600	
		Tổng số khoản : 1												31,197,600			31197600	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỐ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [07] Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2190330009441.01	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Amlodipine/Atorvastatin Normon 5mg/10mg film coated tablets	840110183223	Viên	8,270	50,000			49,952	48	15,000	124,050,000	Đồng ý	15,000	124,050,000	
2	2241150024326.01	Choline Alfoscerate	1000mg/4ml	Gliatilin	VN-13244-11	Ống	69,300	4,000			4,000		1,200	83,160,000	Đồng ý	1,200	83,160,000	
3	2210250000127.01	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Depakine Chrono	VN-16477-13	Viên	6,972	3,000			3,000		900	6,274,800	Đồng ý	900	6,274,800	
4	2201010006459.02	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	100mg + 75mg	Clopiaspirin 75/100	VD-34727-20	Viên	9,500	40,000	52,000		39,990	52,010	12,000	114,000,000	Đồng ý	12,000	114,000,000	
5	0180410014795.02	Allopurinol	300 mg	Darinol 300	893110264323	Viên	550	30,000			30,000		9,000	4,950,000	Đồng ý	9,000	4,950,000	
6	2190320002421.02	Ampicilin + sulbactam	500mg + 250mg	Nerusyn 750	893110388024 (VD-26160-17)	Lọ	31,500	1,000			1,000		300	9,450,000	Đồng ý	300	9,450,000	
7	2201040003831.02	Calcium (dưới dạng Precipitated calcium carbonate 750mg) 300mg, Cholecalciferol (dưới dạng Cholecalciferol concentrate 0,1mg)	750mg + 0,1mg	Totcal Soft capsule	880100007900 (VN-20600-17)	Viên	3,900	20,000			20,000		6,000	23,400,000	Đồng ý	6,000	23,400,000	
8	0180460000687.02	Ceftriaxone (dưới dạng ceftriaxone sodium)	2g	Medivermol 2g	893710038624	Lọ	35,000	20,000			20,000		6,000	210,000,000	Đồng ý	6,000	210,000,000	
9	2241120027098.02	Desloratadin	0,5mg/ml; 60ml	Destacure	890100133924 (SĐK cũ: VN-16773-13)	Chai	68,000	3,000			3,000		900	61,200,000	Đồng ý	900	61,200,000	
10	2190350002903.02	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Savi Enalapril HCT 10/12,5	893110098100	Viên	3,500	1,940			1,920	20	582	2,037,000	Đồng ý	582	2,037,000	
11	2220930003522.02	Flavoxate hydrochlorid	100mg	Flavoxate Savi 100	893110234723	Viên	5,490	20,000			19,980	20	6,000	32,940,000	Đồng ý	6,000	32,940,000	

12	2190320003251.02	Irbesartan, Hydrochlorothiazide	150mg; 12,5mg	IRBEZYD H 150/12,5	VN-15748-12 kèm quyết định 62/QĐ-QLD ngày 8/2/2023 V/v công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1); Công văn số 4775/QLD-ĐK ngày 03/4/2013 V/v Tăng hạn dùng; Công văn số 1742/QLD- ĐK ngày 17/02/2017 V/v thay đổi cách ghi địa chỉ nhà sản xuất, thay đổi mẫu nhãn; Công văn Số: 4559/QLD-ĐK ngày 4/5/2023 V/v công bố danh mục nội dung thay đổi nhỏ chi yêu cầu thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 08/2022/TT- BYT (Đợt 1)	Viên	2,600	47,610			47,610		14,283	37,135,800	Đồng ý	14,283	37,135,800	
13	0180470015664.03	Amlodipin	10mg	Kavasdin 10	VD-20760-14	Viên	315	60,000			60,000		18,000	5,670,000	Đồng ý	18,000	5,670,000	
14	1712200027969.03	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	20mg	Dorotor 20mg	VD-20064-13 QĐ gia hạn số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022	Viên	410	150,000			150,000		45,000	18,450,000	Đồng ý	45,000	18,450,000	
15	2201050001087.03	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Etiheso	GC-342-21	Viên	4,380	100,000			99,990	10	30,000	131,400,000	Đồng ý	30,000	131,400,000	
16	0180440016301.03	Gliclazid + Metformin	80mg + 500mg	Melanov-M	VN-20575-17	Viên	3,800	80,000			80,000		24,000	91,200,000	Đồng ý	24,000	91,200,000	
17	0180470016258.03	Ilopride HCl	50mg	Ettaby	VD-36223-22	Viên	4,190	100,000			99,990	10	30,000	125,700,000	Đồng ý	30,000	125,700,000	

18	2241160028352.04	Acetyl leucin	1g/10ml	Zentanil	893110204824 (VD-28885-18)	Lọ	24,200	3,000			3,000		900	21,780,000	Đồng ý	900	21,780,000	
19	2230510001008.04	Aescin	50mg	Ecipa 50	VD-35724-22	Viên	7,500	30,000			30,000		9,000	67,500,000	Đồng ý	9,000	67,500,000	
20	2241120028941.04	Betahistin	12mg	Betahistin DWP 12mg	893110158823	Viên	1,491	45,000			45,000		13,500	20,128,500	Đồng ý	13,500	20,128,500	
21	2230500001131.04	Bromhexin hydroclorid	16mg	Agi-Bromhexine 16	893110200724 (VD-30270-18)	Viên	630	120,000			120,000		36,000	22,680,000	Đồng ý	36,000	22,680,000	
22	2201030003988.04	Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone sodium)	2g	Cefoperazone MKP 2g	893110751124	Lọ	61,500	15,000			15,000		4,500	276,750,000	Đồng ý	4,500	276,750,000	
23	2210170000436.04	Clopidogrel	75mg	Ediwel	VD-20441-14	Viên	1,950	300,000			300,000		90,000	175,500,000	Đồng ý	90,000	175,500,000	
24	2200570008347.04	Dexibuprofen	400mg	Dexibufen softcap	893110204124 (VD-29706-18)	Viên	5,985	24,240			24,240		7,270	43,510,950	Đồng ý	7,270	43,510,950	
25	2201020000898.04	Diosmin	500mg	Flaben 500	VD-35921-22	Viên	4,200	16,335			16,320	15	4,901	20,584,200	Đồng ý	4,901	20,584,200	
26	2241100030247.04	Adrenalin	1mg/10ml	Adrenalin 1mg/10ml	893110688724 (VD-32031-19) (CV gia hạn số 550/QĐ-QLD ngày 02/08/2024)	Ông	5,250	3,000			3,000		900	4,725,000	Đồng ý	900	4,725,000	
27	2201010009030.04	Famotidin	20mg	Antifacid 20 MG	VD-34126-20	Gói	3,486	3,130			3,120	10	939	3,273,354	Đồng ý	939	3,273,354	
28	2201030009188.04	Fluvastatin	20mg	Autifan 20	893110278223 (VD-27803-17)	Viên	4,557	30,000			30,000		9,000	41,013,000	Đồng ý	9,000	41,013,000	
29	2201000009194.04	Fluvastatin	40mg	Autifan 40	893110148924 (VD-27804-17)	Viên	6,390	120,000			119,950	50	36,000	230,040,000	Đồng ý	36,000	230,040,000	
30	2200540004249.04	Glucosamin	750mg	Mongor 750	VD-20052-13	Viên	4,494	40,000			40,000		12,000	53,928,000	Đồng ý	12,000	53,928,000	
31	2190310006064.04	Kali clorid	500mg	Kali Clorid	893110627524	Viên	800	40,000	-20,000		20,000		12,000	9,600,000	Đồng ý	12,000	9,600,000	
		Tổng số khoản : 31												2,072,030,60			2072030604	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỐ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [01] Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2201030004367.02	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri	(18,3mg + 1,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Dianeal Low Calcium (2,5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with	VN-21178-18 (Có QĐ gia hạn số 593/QĐ-	Túi	178,000	500			500		150	26,700,000	Đồng ý	150	26,700,000	
2	2241180033763.04	Sugammadex (dưới dạng	100mg/ml	Sugam-BFS	VD-34671-20	Ống	1,575,000	700			700		210	330,750,000	Đồng ý	210	330,750,000	